

Bản án số: 04 /2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 20 /03 /2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Lữ*

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Gái

Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 03 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 2- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 580/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1968

Trú tại: Số 3, đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn : Ông Ngô Văn N, sinh năm 1961

Trú tại: Số 3, đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N, ông N có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên Tòa ngày hôm nay, bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 1992. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng càng về sau thì hai bên bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn gay gắt nhất là vào năm 2004 khi mà bà sinh đứa con thứ 2. Hạnh phúc bắt đầu mất dần từ đó. Tuy nhiên, vì hạnh phúc*

gia đình và tương lai 02 con nên bà cố gắng chịu đựng. Bà đã nhiều lần ngồi lại cùng ông N hòa giải, nhưng ông N chứng nào tật đó, vẫn vô trách nhiệm và luôn dùng lời lẽ không hay đối với bà và gia đình bà. Vì không thể hòa giải được với nhau nên bà và ông N đã ly thân từ nhiều năm nay. Mạnh ai nấy sống, không ai phải lo cho ai. Tuy ly thân nhưng bà và ông N vẫn sống chung nhà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tháng 01 năm 2018, bà đã khởi kiện xin được ly hôn với ông N. Tòa án đã thụ lý vụ kiện. Trên cơ sở phân tích của thẩm phán, bà đã tạo điều kiện cho ông N bằng cách rút đơn khởi kiện để ông N có thời gian đánh giá lại bản thân, khắc phục những khuyết điểm, để đoàn tụ và cùng bà lo cho các con. Tuy nhiên ông N không hề thay đổi. Nay tại Tòa, bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Bà và ông N có 02 con chung tên Ngô Minh D sinh ngày 02 tháng 01 năm 2002 và Ngô Minh T sinh ngày 16 tháng 03 năm 2004, ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng. Tài sản chung, có nhưng hai bên tự thỏa thuận, nợ chung không có.

*Ông Ngô Văn N trình bày:* Ông đã nghe bà N trình bày, về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung bà N trình bày là đúng. Tuy nhiên về quan hệ hôn nhân, bà N trình bày là không đúng sự thật, ông khẳng định giữa ông và bà N không có mâu thuẫn gì trầm trọng phải dẫn đến ly hôn. Tại phiên Tòa ngày hôm nay ông không chấp nhận ly hôn với bà N vì ông còn thương vợ, thương con. Vì không muốn ly hôn nên về con chung và tài sản chung, nợ chung ông không có ý kiến.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia tố tụng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Từ khi Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Về yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, con chung giao cho bà Huỳnh Thị N nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị N và ông Ngô Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do đó căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp quận, huyện. Bị đơn cư trú tại Quận 2, do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Ông Ngô Văn N là bị đơn trong vụ án, ông N đã tham gia phiên Tòa, đã trình bày yêu cầu của mình tại phiên Tòa. Tuy nhiên trong giai đoạn hỏi tại phiên Tòa, ông N yêu cầu được đi về với lý do là đi trực, không chờ Hội đồng xét xử hội ý, ông N vẫn đi về. Thái độ của ông N là xem thường pháp luật, coi thường Hội đồng xét xử. Hành vi trên cũng đồng nghĩa với việc từ bỏ nghĩa vụ cũng như quyền lợi của mình mà pháp luật đã quy định. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông N ra về không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án đối với vụ án trên nên Hội đồng xét xử vẫn quyết định xét xử theo thủ tục chung. Tuy nhiên nhằm bảo đảm quyền lợi của ông N, Hội đồng xét xử vẫn dành cho ông N quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày ông N nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản sao bản án tại chính quyền địa phương.

## **2. Về nội dung:**

Về các yêu cầu của đương sự:

[1] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày cũng như yêu cầu của bà Huỳnh Thị N tại phiên Tòa, yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Văn N, yêu cầu của bà Huỳnh Thị N, Hội đồng xét xử xét: Bà Huỳnh Thị N và ông Ngô Văn N tự nguyện chung sống và được Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Thủ Đức cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61 quyển số 01/1992 ngày 01 tháng 12 năm 1992 nên hôn nhân giữa Bà Huỳnh Thị N và ông Ngô Văn N là hôn nhân hợp pháp đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Trong quá trình chung sống, bà Huỳnh Thị N cho rằng thời gian đầu của hôn nhân bà và ông N sống với nhau rất hạnh phúc, cả hai luôn quan tâm chăm sóc đến nhau. Tuy nhiên, sau đó thì mất dần hạnh phúc nguyên nhân là giữa bà và ông N không cùng chung quan điểm sống, không cảm thông hay chia sẻ những vướng mắc trong cuộc sống. Bà thấy hiện tại bà và ông N không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại bà và ông N tuy sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, mỗi ai tự lo cho người ấy, không còn quan tâm gì đến nhau. Từ lời trình bày của bà Huỳnh Thị N đã cho thấy thực chất, mẫu thuẫn gia đình giữa bà N, ông N là có thật và tồn tại trong khoảng thời gian dài, các bên đã không tích cực tìm cách giải quyết cho ổn thỏa, ngược lại cả hai đều bỏ mặc. Cách hành xử của bà N, ông N thể hiện cả hai đã không còn thật sự yêu thương nhau, tôn trọng nhau, việc duy trì đời sống hôn nhân sẽ không mang lại điều gì tốt đẹp mà chỉ gây tổn hại thêm cho cả hai phía.

Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn đối với ông N là hoàn toàn có cơ sở.

[3] Ông Ngô Văn N khai tại phiên Tòa, cuộc sống giữa ông và bà N không có mâu thuẫn gì trầm trọng để dẫn đến ly hôn như bà N trình bày, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N vì còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng, bà N đưa ra rất nhiều lý do để dẫn đến bà phải xin ly hôn ông, ông N đã nghe nhưng không phản đối, thậm chí ông cho rằng hành vi việc ông có lời lẽ xúc phạm bà N, gia đình bà N là lẽ thường vì trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc cũng phải có mâu thuẫn. Lý do ông không đồng ý ly hôn với bà N vì còn thương vợ thương con là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo lời khai của bà N, ông N thì ông bà có 02 con chung tên Ngô Minh D sinh ngày 02 tháng 01 năm 2002 và Ngô Minh T sinh ngày 16 tháng 03 năm 2004. Hiện tại các con vẫn sống cùng ông bà trong căn nhà trên. Tuy nhiên qua hỏi ý kiến hai trẻ, hai trẻ có nguyện vọng là sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn, ngoài ra bà N cũng có yêu cầu nuôi hai trẻ, yêu cầu của bà N là có cơ sở, ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị N, ông Ngô Văn N xác nhận là có nhưng sẽ tự thỏa thuận, nên Tòa không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị N, ông Ngô Văn N xác nhận là không có.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh Thị N có yêu cầu ly hôn nên bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:**

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 198; Điều 220; Điều 271; Điều 273, Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị N.

Bà Huỳnh Thị N được ly hôn với ông Ngô Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61 quyền số 01/1992 do Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Thủ Đức cấp ngày 01 tháng 12 năm 1992 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị N và ông Ngô Văn N chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao bà Huỳnh Thị N nuôi hai con chung tên Ngô Minh D sinh ngày 02 tháng 01 năm 2002 và Ngô Minh T sinh ngày 16 tháng 03 năm 2004. Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị N không yêu cầu ông Ngô Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị N, ông Ngô Văn N cùng xác nhận là có tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị N, ông Ngô Văn N cùng xác nhận không có.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Huỳnh Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà bà Huỳnh Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0015833 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Bà Huỳnh Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

Bà Huỳnh Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Ngô Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản sao bản án tại chính quyền địa phương.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q2;
- Chi Cục THADS Q2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Văn Lữ**